

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bút

2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Kim T** - Sinh năm: 1988; Địa chỉ: ấp T M, xã T B T, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hoàng D** - Sinh năm: 1984; Địa chỉ: 385/7 ấp P Đ, xã V B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Võ Kim T trình bày:

Vào năm 2012, bà Võ Kim T và ông Nguyễn Hoàng D tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T B T, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang ngày 13/8/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm, đến năm 2013

thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông D không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Từ tháng 9 năm 2013, bà T và ông D đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, bà nhận thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D. Bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: bà và ông D có 01 người con chung là Nguyễn Hoàng T, sinh ngày: 31/12/2012 nhưng đã mất vì bệnh vào ngày 11/7/2018.

Về tài sản chung, nợ chung: bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do nhà ở xa và bận công việc gia đình không có thời gian đi lại nên bà Thoa có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Hoàng D:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông D vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Ông D cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về các vấn đề có liên quan đến yêu cầu ly hôn của bà T. Tại phiên tòa ông D vắng mặt nên không có ý kiến, lời trình bày của ông.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Kim T, bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng D. Ghi nhận việc bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: bà và ông D có 01 người con chung là Nguyễn Hoàng T, sinh ngày: 31/12/2012 nhưng đã mất vì bệnh vào ngày 11/7/2018 nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “*Ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn là ông Nguyễn Hoàng D vắng mặt không lý do. Phía bà Võ Kim T cũng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt ông bà theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Kim T và ông Nguyễn Hoàng D tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại xã T B T, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang ngày 13/8/2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà T và ông D sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T xác định là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông D không quan tâm vợ con. Tại biên bản xác minh ngày 10/02/2020, địa phương xác nhận là bà T và ông D có phát sinh mâu thuẫn

và đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay không hàn gắn được. Trong thời gian ly thân, ông bà không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống. Mặc dù, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông D vẫn cố tình vắng mặt, thể hiện sự không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Hôn nhân của bà T và ông D đã rơi vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Bà T xác định giữa bà và ông D có con chung là Nguyễn Hoàng T, sinh ngày: 31/12/2012 nhưng đã mất vì bệnh vào ngày 11/7/2018, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Kim T phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Kim T đối với ông Nguyễn Hoàng D. Bà T không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

2. Về con chung: có 01 (một) người con chung là Nguyễn Hoàng T, sinh ngày: 31/12/2012 nhưng đã mất vì bệnh vào ngày 11/7/2018, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Kim T xác định bà và ông Nguyễn Hoàng D không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Kim T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006917 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Đức

